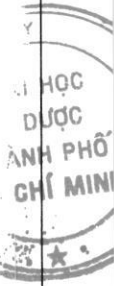


PHỤ LỤC CHI TIẾT

(đính kèm Công văn số: 1873 /ĐHYD-QTGT ngày 21/5/2026 của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1. Hoạt chất						
1.1	Formoterol fumarate dihydrate (dạng vi hóa - micronize)	g	BP hiện hành/ In-house D90 < 5 µm	60		
1.2	Budesonide (dạng vi hóa - micronize)	g	BP/Ph.Eur. hiện hành/ In-house D90 < 5 µm	2.000		
2. Tá dược						
2.1	Lactose monohydrate (dạng dùng cho thuốc bột hít - DPI, có kích thước hạt 50-200 micron)	Kg	USP-NF/ JP / EP hiện hành, X ₁₀ 30-60 µm, X ₅₀ 70-110 µm, Khối lượng riêng biểu kiến 0,66-0,76 g/ml	108		
2.2	Lactose monohydrate (dạng dùng cho thuốc bột hít - DPI, có kích thước hạt 0,8-50 micron)	Kg	USP-NF/ JP / EP hiện hành, X ₁₀ 0,8-1,6 µm, X ₅₀ 4-11 µm, Khối lượng riêng biểu kiến 0,25-0,4 g/ml,	12		



STT	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
			Nội độc tố < 0,5 EU/g			
3. Thuốc đối chiếu						
3.1	Thuốc đối chiếu Symbicort turbohaler (liều 400mcg/12mcg - 1 hộp 60 liều)	Hộp		6		
3.2	Thuốc đối chiếu Airbufo Forspiro 320mcg/9mcg	Hộp		4		
4. Dung môi, hóa chất, công cụ dụng cụ						
4.1	Chất chuẩn formoterol fumarate (USP/EP reference standard)	mg		45		
4.2	Chất chuẩn Budesonide CRS	mg		360		
4.3	Chất chuẩn Budesonide for system suitability CRS	mg		20		
4.4	Formoterol EP Impurity A (Chất chuẩn Tạp A /Formoterol)	mg		30		
4.5	Hóa chất Acetonitril HPLC	lít		16		
4.6	Hóa chất Methanol HPLC	lít		16		
4.7	Cột sắc ký lỏng C18 (5um, 4.6 Mm X 250 Mm)	Hộp/1 cột		2		
4.8	Tiền Cột C18 (Vanguard Cartridge - 1 hộp 3 cái)	Hộp 3 cái		2		
4.9	Bảo vệ tiền cột (Vanguard Cartridge Holder)	Cái		2		
4.10	Đầu lọc sắc ký PTFE (Hydrophilic Syringe Filter, 25mm, 0.45um Hộp/ 100 cái)	Hộp 100 cái		5		
4.11	Đầu lọc sắc ký PTFE (Hydrophobic Syringe Filter, 13mm, 0.22um - Hộp/ 100 cái)	Hộp 100 cái		4		
4.12	Chai thủy tinh sắc ký 1.5ml không màu nắp vặn 9mm (Hộp /100 Cái)	Hộp 100 cái		6		
4.13	Nắp vial cho chai miệng rộng có xẻ rãnh (1 hộp/100 cái)	Túi 100 cái		6		
4.14	Nắp vial cho chai miệng rộng không xẻ rãnh (1 hộp/100 cái)	Túi 100 cái		6		

STT	Tên nguyên vật liệu	ĐVT	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
4.15	Màng lọc đặc biệt cho tầng cuối của Andersen Cascade Impactor - 1 hộp/100 cái	Hộp 100 cái		1		
4.16	Vỏ nang Gelatin cỡ số 3	Nang		9.100		
4.17	Vỏ nang HPMC cỡ số 3	Nang		61.000		
4.18	Lọ nhựa có nắp 50ml	Lọ		1.500		
4.19	Màng seal nhôm tự dính	Cái		1.500		
4.20	DPPC (Dipalmitoylphosphatidylcholine)	Lọ 500 mg		1		
4.21	Hóa chất L-Leucine	Kg		3		
Tổng cộng						

